SAO Y; HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH; 29/07/2026; 09:28:33; +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26/2026/NQ-HĐND	*Ninh Bình, ngày 28 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 162/2024/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035;

Căn cứ Thông tư số 75/2026/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 213/TTr-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành của tỉnh; Uỷ ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; quy định về phân cấp, phân quyền của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15, Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15, Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 và các văn bản pháp luật có liên quan; bảo đảm đúng thẩm quyền, công khai, minh bạch, hiệu quả và tiết kiệm.

2. Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình giai đoạn 2026-2030, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa các lĩnh vực, nhiệm vụ và địa bàn.

3. Thực hiện phân bổ vốn theo hướng trọng tâm, trọng điểm và bền vững, nhằm tạo đột phá trong phát triển văn hóa tập trung vào các nội dung:

a) Các nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết theo nhu cầu thực tiễn của địa phương, nhất là về bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh.

b) Phát triển hệ thống hạ tầng, cảnh quan, thiết chế văn hóa đồng bộ, hiệu quả, nhất là ở cơ sở; quan tâm thực hiện các nội dung về phát triển công nghiệp văn hóa theo định hướng của tỉnh.

c) Các nhiệm vụ về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa.

d) Quan tâm hỗ trợ đối với các địa phương khó khăn, chưa đảm bảo tự cân đối ngân sách theo tình hình thực tiễn.

4. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ, bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, hoạt động với các chương trình mục tiêu quốc gia khác; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp theo quy định của pháp luật, phát huy tính chủ động, trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện.

5. Việc phân bổ ngân sách nhà nước bảo đảm phù hợp với mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung hoạt động và các dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa, kế hoạch hằng năm, tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước. Trường hợp nhu cầu vốn của cơ quan, đơn vị, địa phương thấp hơn mức ngân sách dự kiến phân bổ thì bố trí vốn theo nhu cầu thực tế; ngân sách còn lại sẽ được phân bổ cho các nhiệm vụ, dự án trọng tâm, trọng điểm có nhu cầu vốn cao.

Điều 3. Tiêu chí phân bổ vốn cho cấp xã

1. Hệ số phân bổ vốn cho cấp xã thực hiện Chương trình

a) Tiêu chí 01: Phân loại theo đối tượng cấp xã

Theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh, thực hiện phân bổ cho các đối tượng:

Đơn vị hành chính cấp xã loại I: Hệ số 200.

Đơn vị hành chính cấp xã loại II: Hệ số 400.

b) Tiêu chí 02: Phân loại theo điều kiện phát triển kinh tế

Căn cứ theo tỷ lệ số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên/tổng chi cân đối ngân sách địa phương:

Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung từ 80% trở lên: Hệ số 150.

Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung từ 70% đến dưới 80%: Hệ số 120.

Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung từ 60% đến dưới 70%: Hệ số 100.

Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung dưới 60%: Hệ số 60.

c) Tiêu chí 03: Phân loại theo quy mô dân số

Các địa phương có quy mô dân số dưới 10.000 người: Hệ số 30.

Các địa phương có quy mô dân số từ 10.000 người đến dưới 30.000 người: Hệ số 50.

Các địa phương có quy mô dân số từ 30.000 người đến dưới 50.000 người: Hệ số 80.

Các địa phương có quy mô dân số từ 50.000 người trở lên: Hệ số 100.

d) Tiêu chí 04: Phân loại theo quy mô diện tích

Các địa phương có quy mô diện tích dưới 20,0 km^2: Hệ số 20.

Các địa phương có quy mô diện tích từ 20,0 km^2 đến dưới 30,0 km^2: Hệ số 40.

Các địa phương có quy mô diện tích từ 30,0 km^2 đến dưới 40,0 km^2: Hệ số 60.

Các địa phương có quy mô diện tích từ 40,0 km^2 trở lên: Hệ số 80.

2. Phương pháp tính mức phân bổ vốn

Căn cứ vào các tiêu chí để tính ra số điểm của từng địa phương và tổng số điểm của các địa phương làm căn cứ để phân bổ theo các công thức sau:

Số điểm tính theo Tiêu chí 01 của xã thứ i là A_i

Số điểm tính theo Tiêu chí 02 của xã thứ i là B_i

Số điểm tính theo Tiêu chí 03 của xã thứ i là C_i

Số điểm tính theo Tiêu chí 04 của xã thứ i là D_i

Tổng điểm của xã thứ i gọi là X_i

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i$$

Tổng số điểm của các xã/phường trên địa bàn tỉnh là Y:

$$Y = \sum Xi$$

Đặt K là tổng số vốn ngân sách nhà nước dự kiến hỗ trợ cho ngân sách cấp xã thực hiện Chương trình.

Tổng số vốn hỗ trợ cho từng xã, phường được tính theo công thức:

$$V_i = \frac{K}{Y} \times X_i$$

(V_i là số vốn hỗ trợ cho xã/phường thứ i)

Điều 4. Mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình

1. Mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

Hằng năm, ngân sách tỉnh cân đối, bố trí mức vốn đối ứng phần ngân sách địa phương, đảm bảo tỷ lệ bằng 30% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg.

2. Định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình

a) Đối với vốn đầu tư phát triển

- Năm 2026: Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển (bao gồm nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và vốn đối ứng của ngân sách địa phương) để hỗ trợ các xã/phường đầu tư thiết chế văn hoá cơ sở theo tiêu chí phân bổ quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

- Từ năm 2027 đến năm 2030: Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển (bao gồm nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và vốn đối ứng của ngân sách địa phương) để thực hiện các dự án trong Chương trình do cấp tỉnh quản lý.

- Hằng năm, ngân sách tỉnh cân đối, bố trí mức vốn đầu tư phát triển (phần ngân sách địa phương đối ứng) để thực hiện các dự án trong Chương trình, đảm bảo bằng 30% tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

b) Đối với vốn sự nghiệp

- Hằng năm, bố trí 30% vốn sự nghiệp (bao gồm nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và vốn đối ứng của ngân sách địa phương) để phân bổ chi tiết cho từng dự án thành phần trong Chương trình do cấp tỉnh quản lý. Số vốn còn lại phân bổ cho cấp xã theo tiêu chí phân bổ quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

- Hằng năm, ngân sách tỉnh cân đối, bố trí mức vốn sự nghiệp (phần ngân sách địa phương đối ứng) để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, đảm bảo bằng 30% tổng vốn sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 7 năm 2026.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khoá XVI, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 5;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Lê Quốc Chỉnh